| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN S**<br>**TP. H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **06/**2023/HNGĐ - ST
Ngày: 13/01/2023.
V/v tranh chấp ly hôn.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – THÀNH PHỐ H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Nhu Y.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy T.**
Bà **Đỗ Thị Hg.**
***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hải H –**Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà:*** Bà **Nguyễn Thị Tuyết L** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S – TP H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 738/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị ***Nguyễn Thu T***, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn HG, xã PC, huyện S, thành phố H.

- *Bị đơn:* Anh ***Nguyễn Đức Hn***, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn HG, xã PC, huyện S, TP. H.

Có mặt chị T, vắng mặt anh Hn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 19.10.2022 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thu T trình bày:***

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức Hn kết hôn năm 2006, vợ chồng kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện S, TP H ngày 06/01/2006.

Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hn tính nóng, mỗi

khi đi uống rượu về là không kìm chế được bản thân, nếu chị làm gì trái ý anh Hn thì anh Hn sẽ đánh chị ngay. Chị đã kìm chế và góp ý với anh Hn nhiều lần, anh Hn hứa thay đổi nhưng đâu vẫn vào đó, không thấy anh Hn thay đổi. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Hn.

Về con chung: Chị và anh Hn có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Anh, sinh ngày 19/02/2007. Hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị xin được nuôi con, không yêu cầu anh Hn cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm cán bộ ngân hàng V thu nhập bình quân 12.000.000đ đến 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

***** Bị đơn là anh Nguyễn Đức Hn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thu T. Cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn anh Nguyễn Đức Hn.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/02/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Anh Hn có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện S nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T xin ly hôn anh Hn, hiện anh Hn cư trú tại thôn HG, xã PC, huyện S, thành phố H nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện S thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa ngày 06/01/2023 anh Hn vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Hn, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh Hn vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hn.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thu T kết hôn cùng anh Nguyễn Đức Hn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện S, TP H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2006 ngày 06/01/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hn nóng tính, không kìm chế được bản thân nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Quá trình xác minh tại địa phương xác định anh chị cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị T đã không còn chung sống cùng anh Hn từ tháng 8/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức đời sống chung không thể kéo dài nên cho chị T được ly hôn anh Hn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/02/2007. Chị T đề nghị nuôi con, không yêu cầu anh Hn cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị Hn, Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu Hoàng Anh vẫn đang ở với chị T và có nguyện vọng ở với chị T. Mặt khác anh Hn không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh Hn nên để không xáo trộn  cuộc sống của con sau khi ly hôn thấy cần tiếp tục giao cháu Hoàng Anh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Chị T không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thu T. Cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn anh Nguyễn Đức Hn.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 19/02/2007 cho chị Nguyễn Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Hn cho đến khi nào chị T có yêu cầu hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Anh Hn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, chị T phải chịu. Được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005502 ngày 03/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận***
- *VKSND H. S;*
- *THADS H. S;*
- *Toà án H;*
- *UBND xã PC (Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06/01/2006);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Nhu Y**